**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

(Theo Công văn số 1045/SGDĐT- GDTrH ngày 13 tháng 5 năm 2022 của Sở GDĐT Bình Định)

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày 02 tháng 11 năm 2024* | *Họ và tên giáo viên: Bùi Văn Bình*  *Tổ chuyên môn: Ngữ văn* |

TÊN BÀI DẠY

BÀI 3. **KỊCH BẢN CHÈO VÀ TUỒNG**

Môn học: Ngữ văn; Lớp: 10

Thời gian thực hiện: 04 tiết

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TUẦN | TIẾT **(môn học)** | TÊN BÀI HỌC | GHI CHÚ |
|  | **29-30** | * *Mắc mưu Thị Hến* (Trích tuồng *Nghêu, Sò, Ốc, Hến*) |  |
| **11** | **31-32** | **1.2. Thực hành đọc hiểu** |  |
| *-Thị Mầu lên chùa* (Trích chèo *Quan Âm Thị Kính*) |  |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Phân tích được một số yếu tố hình thức và nội dung của văn bản chèo hoặc tuồng như: đề tài, tích truyện, nhân vật, lời thoại, chủ đề, thông điệp, … Nhận biết và phân tích được bối cảnh lịch sử - văn hoá thể hiện trong kịch bản chèo hoặc tuồng.

- Nhận biết về sửa lỗi dùng từ (tiếp theo): các lỗi lặp từ, dùng từ không đúng quy tắc ngữ pháp, không hợp phong cách ngôn ngữ.

- Viết được bài văn nghị luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm đảm bảo các bước.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung:

+ Năng lực tự chủ và tự học

+ Năng lực giao tiếp hợp tác

+ Năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo

- Năng lực đặc thù:

+ Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Mắc mưu Thị Hến*.

+ Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Mắc mưu Thị Hến.*

+ Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản;

+ Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các văn bản khác có cùng chủ đề.

+ Năng lực phân tích và đánh giá được một số yếu tố về nội dung, đề tài, tích truyện, nhân vật, lời thoại, chủ đề….

+ Năng lực cảm nhận, phân tích được bối cảnh lịch sử - văn hóa thể hiện trong kịch bản chèo.

+ Năng lực nhận diện được lỗi và sửa lỗi dùng từ không đúng quy tắc ngữ pháp.

+ Nhận diện được lỗi và sửa lỗi dùng từ không hợp phong cách ngôn ngữ; Nhận diện được lỗi và sửa lỗi dùng lặp từ, lặp nghĩa.

+ Có thói quen cân nhắc lựa chọn từ trước khi tạo lập văn bản/ ngôn bản.

+ Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập viết Bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.

+ Năng lực tiếp thu các yêu cầu khi viết bài văn, đoạn văn.

+ Năng lực trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.

**3. Về phẩm chất:**

- Giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc và ý thức vé trách nhiệm của công dân đối với đất nước.

- Trân trọng văn hóa truyền thống dân tộc

- Hiểu và trân trọng ngôn ngữ tiếng Việt

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:**

- Sách giáo khoa, kế hoạch bài dạy

- Máy tính, máy chiếu

**2. Học liệu:**

- SGK, SBT Ngữ văn 10, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. ĐỌC (6 tiết)**

**VĂN BẢN 1. XÚY VÂN GIẢ DẠI**

**VĂN BẢN 2. MẮC MƯU THỊ HẾN**

**Trích tuồng *Nghêu, Sò, Ốc , Hến***

***( 2 tiết: 29,30)***

**1. Hoạt động 1: MỞ ĐẦU [5 phút]**

**a) Mục tiêu:** Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; kết nối với những bài học trước đó; huy động tri thức nền và trải nghiệm của HS. Đồng thời qua đó, thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b) Nội dung:** Kiến thức, vốn sống của HS có liên quan đến bài học.

**c) Sản phẩm:** Chia sẻ của HS về tiếng cười trong cuộc sống.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**  - GV: giao nhiệm vụ  *Em nghĩ gì về “tiếng cười” trong cuộc sống? hãy lắng nghe bài hát Nụ cười (nhạc Nga) để cảm nhận ý nghĩa của nụ cười.*  <https://www.youtube.com/watch?v=lX8Sn9pAFLo>  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS nghe GV nêu yêu cầu và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**GV mời 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  - GV: Nhận xét, kết luận  - GV dẫn dắt vào bài học mới: *Tiếng cười là bạn đường tháng năm không thể nào xoá nhoà. Tiếng cười không chỉ là người bạn của mỗi cá nhân, không chỉ là bạn đường của thời niên thiếu. Tiếng cười còn là bạn đường của con người nói chung trong suốt cuộc đời. Bài học hôm nay cùng tìm hiểu về trích đoạn tuồng hài Mắc mưu thị Hến sẽ mang đến cho chúng ta tiếng cười nhẹ nhàng, châm biếm.* | - Nhận thức và thái độ học tập tích cực của HS.  - Tích cực, chủ động tham gia trò chơi và theo dõi bài hát trả lời câu hỏi |

**2. Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI [70 phút]**

**a) Mục tiêu:**

- Giúp HS chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đọc hiểu văn bản *Mắc mưu Thị Hến* một cách hiệu quả.

- Giúp học sinh khám phá nội dung, ý nghĩa và đặc sắc về hình thức của văn bản, hiểu được các khái niệm công cụ, rèn luyện các chiến thuật đọc (hình dung, phán đoán, liên hệ). Từ đó, GV giúp HS luyện tập, thực hành, vận dụng kết nối kiến thức trong văn bản văn học với thực tiễn đời sống.

**b) Nội dung:**

- Tìm hiểu tri thức có liên quan về văn bản *Mắc mưu Thị Hến*.

- HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về bài *Mắc mưu Thị Hến*.

**c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **NỘI DUNG 1: Tìm hiểu tri thức về thể loại Tuồng**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**  - GV: Gọi một số HS trình bày phần Kiến thức ngữ văn có liên quan bài đọc hiểu và nêu những câu hỏi, băn khoăn. Trước khi giải đáp câu hỏi, băn khoăn của HS, GV nên khuyến khích những HS khác trả lời. GV nhận xét và chốt lại các khái niệm.  + Thế nào là Tuồng?  + Phân loại thể loại Tuồng? Đặc điểm của từng kiểu loại?  + Nêu nghệ thuật tiêu biểu của thể loại Tuồng?  + Thế nào là kịch bản Tuồng?  + Nêu một số vở Tuồng mà em biết?  - GV gọi một số HS nêu những thông tin tìm hiểu được về thể loại Tuồng và chốt lại một số điểm cần lưu ý.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS nghe GV nêu yêu cầu, đọc Tri thức Ngữ văn và trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**HS trả lời, nêu suy nghĩ  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  - GV: Nhận xét, kết luận  **NỘI DUNG 2: Tìm hiểu tác phẩm “Mắc mưu Thị Hến” (trích tuồng *Nghêu, Sò, Ốc, Hến*)**  ***GV hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tuồng “Nghêu, Sò, Ốc, Hến” và trích đoạn “Mắc mưu Thị Hến”***  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**  - GV: Định hướng HS tìm hiểu vở tuồng qua hệ thống câu hỏi:  + Dựa vào tìm hiểu bài học ở nhà hãy cho biết thể loại và vị trí của Tuồng “Nghêu, Sò, Ốc, Hến”?  + Hãy tóm tắt Tuồng “Nghêu, Sò, Ốc, Hến”?  + Từ tóm tắt vở tuồng hãy cho biết nội dung chính của tác phẩm?  - GV: Định hướng HS tìm hiểu trích đoạn qua hệ thống câu hỏi:  + Nêu vị trí của trích đoạn “Mắc mưu Thị Hến” trong tuồng “Nghêu, Sò, Ốc, Hến”?  + Phân vai đọc tác phẩm  + Tóm tắt đoạn trích?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS nghe GV nêu yêu cầu, suy nghĩ và trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**HS trả lời, nêu suy nghĩ  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  - GV: Nhận xét, kết luận  ***GV hướng dẫn HS đọc – hiểu văn bản “Mắc mưu Thị Hến”***  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**  - GV: Giao nhiệm vụ và đặt câu hỏi cho HS, yêu cầu HS trả lời: *Xác định bối cảnh (không gian, thời gian) và nhận vật tham gia câu chuyện trong đoạn trích Mắc mưu Thị Hến.*  - GV: Chia lớp thành 3 nhóm thảo luận Phân tích một số yếu tố tạo ra tiếng cười trong đoạn trích: tình huống kịch.  *+ Nhóm 1: Ngôn ngữ, hành động tạo nên tiếng cười của Nghêu*  *+ Nhóm 2: Ngôn ngữ, hành động tạo nên tiếng cười của Đề Hầu*  *+ Nhóm 3: Ngôn ngữ, hành động tạo nên tiếng cười của Huyện Trìa*  - GV: Nhận xét về ngôn ngữ và hành động của cả ba nhân vật Nghêu, Đề Hầu và Huyện Trìa?  - GV: Chỉ ra và phân tích tác dụng của một số chỉ dẫn sân khấu có trong văn bản *Mắc mưu Thị Hến*? Từ đó phân tích tác dụng của một số tác dụng của một số chỉ dẫn sân khấu có trong văn bản Tuồng?  - GV: Trong văn bản, tác giả dân gian đã thể hiện thái độ như thế nào đối với các nhân vật?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS nghe GV nêu yêu cầu, suy nghĩ, thảo luận và đại diện trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**HS trình bày kết quả thảo luận theo yêu cầu của phiếu học tập  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  - GV: Nhận xét, kết luận  *Bị Nghêu, Đề Hầu, Huyện Tria cùng "ham của lạ” ve vãn, Thị Hến đã sắp đặt một cuộc "hội ngộ" tại nhà mình, biến nơi đây trở thành một “phiên tòa" để các nhân vật tự vạch tội và xử án nhau trước sự chứng kiến của Thị Hến. Cuối cùng, cả Nghêu, Đề Hầu, Huyện Tria đều rơi vào tình thế “Mắc cỡ lêu lêu / Lêu lêu mắc cỡ”, vội vàng “Thầy tu khá lui về cho khỏi / Để lại mau cõng mỗ về nhà / Dằn lòng thôi chớ ngứa nghề / Giữ dạ đừng tham của lạ". Còn Thị Hến vui mừng trong tiếng cười hả hê “Tâm khoái dã! Tâm khoái dã! / Kế hoan nhiên! Kế hoan nhiên!” vì đã dẹp được “thầy tu tới ngõ nói điên", quan huyện “đến nhà làm bậy", giữ được "tiết hạnh một niềm cho toại”, đồng thời, làm cho những kẻ đáng phê phán bị một phen bẽ mặt. Tình huống diễn ra như một màn kịch, mỗi lúc một giàu kịch tinh dưới tài “đạo diễn" khôn khéo của Thị Hến.*  ***GV hướng dẫn HS tổng kết***  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**  - GV: Trình bày những nét đặc sắc về nội dung của tác phẩm?  - GV: Trình bày những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm?  - GV: Từ đọc hiểu trích đoạn “Mắc mưu Thị Hến”, hãy khái quát cách đọc hiểu kịch bản Tuồng nói chung?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS nghe GV nêu yêu cầu, suy nghĩ và trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**HS trả lời câu hỏi  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  - GV: Nhận xét, kết luận | **I. Kiến thức thể loại: Tuồng**  - Khái niệm: Tuồng là loại hình sân khấu truyền thống của dân tộc.  - Phân loại: Tuồng được chia làm hai loại: tuồng cung đình (còn gọi là tuồng thầy, tuồng pho) và tuồng hài (còn gọi là tuồng đồ).  + Tuồng cung đình viết về đề tài trung với vua, đánh giặc bảo vệ đất nước, bảo vệ vương triều; có âm hưởng bi tráng, giàu kịch tính, mâu thuẫn căng thẳng, quyết liệt giữa hai phe trung - nịnh, tốt - xấu,...  + Tuồng hài viết về các đề tài sinh hoạt, lấy tiếng cười để phản ánh hiện thực xã hội, có cốt truyện phong phú, gần gũi với cuộc sống của người bình dân xưa.  - Nghệ thuật: có sự phối hợp nhuần nhuyễn giữa ngôn từ, âm nhạc, vũ đạo, hội hoạ và các trò diễn dân gian. Thủ pháp gây cười gồm: “gậy ông đập lưng ông”; kết ục bất ngờ trái ngược hoàn toàn với điều chờ đợi; lối chơi chữ, nói lái, sử dụng câu đố, nói liều để gỡ thế bí; đem cái cao quí, thiêng liêng đặt bên cạnh cái dung tục, tầm thường, . . .  - Kịch bản tuồng là văn bản có cốt truyện, nhân vật kèm lời thoại và chỉ dẫn về bối cảnh, trang phục, hoạt động trên sân khấu,...  **II. “Mắc mưu Thị Hến” (trích tuồng *Nghêu, Sò, Ốc, Hến)***  **1. Tìm hiểu chung:**  ***a) Tuồng “Nghêu, Sò, Ốc, Hến”***  - Thể loại: Tuồng hài (tuồng đồ)  ⭢ Là tác phẩm tiêu biểu trong di sản tuồng truyền thống và là vở tuồng hài thuộc loại xuất sắc nhất.  - Tóm tắt cốt truyện: SGK  - Nội dung chính: Tác phẩm châm biếm sâu sắc nhiều thói tật trong xã hội và lật tẩy bộ mặt xấu xa của một số kẻ thuộc bộ máy cai trị ở địa phương trong xã hội xưa.  ***b) “Mắc mưu Thị Hến”***  - Lớp 19, phần cuối vở tuồng  - Tóm tắt đoạn trích: Ba người Nghêu, Đề Hầu, Huyện Trìa đều muốn tán tỉnh Thị Hến. Trời tối Thị Hến hẹn Nghêu đến đến nhà, nhưng Nghêu không biết được Thị Hến mời luôn cả hai người kia đến. Nghêu đến đầu tiên, khi đang ngồi ngồi tán tán tỉnh Thị Hến thì Đề Hầu gõ cửa vào khiến Nghêu phải chui vào gầm phản trốn. Khi Đề Hầu vào nhà chưa được ấm chỗ thì Huyện Trìa đến, Đề Hầu vội tìm chỗ trốn. Khi đủ cả ba người trong nhà, Thị Hến liền bày mưu để cho Nghêu từ gầm giường bò ra, Đề Hầu ngồi trong thúng chui ra. Tất cả cùng xuất đầu lộ diện và bị một phen bẽ mặt.  **2. Đọc – hiểu văn bản**  ***a) Bối cảnh đoạn trích***  - Không gian: tại nhà riêng của Thị Hến – một người đàn bà goá chồng (không gian hẹp chỉ có từ trong nhà Thị Hến ra đến cửa khi có người đến).  - Thời gian: Đêm tối  - Nhân vật: Thị Hến – Nghêu – Đề Hầu – Huyện Trìa  ***b)* *Yếu tố tạo nên tiếng cười***  - Tình huống tạo ra tiếng cười trong đoạn trích: bất ngờ, giàu kịch tính, khiến các đối tượng đáng cười tự “vạch áo cho người xem lưng”.  - Tiếng cười trong đoạn trích được thể hiện qua ngôn ngữ, hành động của các nhân vật   |  |  | | --- | --- | | **Nhân vật** | **Ngôn ngữ, hành động**  **tạo nên tiếng cười** | | Nghêu | + Sự vội vã "đi hầu bổ ngửa" của Nghêu, "chạy ướt hầu bổ sấp" của Huyện Tria trong lúc "đêm tối tăm đàng xá (lại) khó đi".  + Sự cuống quýt tìm chỗ trốn của Nghêu khi nghe tiếng Đề Hầu gõ cửa "(Thím ơi! Thím!) / Trốn chỗ nào khác chì cho min / (Chớ) Ra cửa cỏ thầy Đề đứng đó"; của Đề Hầu khi nghe tiếng Huyện Tria tới: "(Chui chao!) / Văn ngôn sắc biến! Sắc biến! / Thính thuyết hồn kinh! Hồn kinh!”.  + Hành động Nghêu từ gầm giường bò ra và ngôn ngữ vui mừng rối rít vì thoát tội “trảm quyết”: "Tâm khoái lạc! Tâm khoái lạc! / Thiện xử phân! Thiện xử phân!", "Chơn vi phụ mẫu chi dân! / (Chứ thầy Đề) / Chị thị dâm ô chi loại!" và tố cáo thầy Đề đang trốn trong thúng mơ "nói mới ức chớ", rồi “kết tội”: “Còn thầy Lại phạm gian / Thật ắt là tội chết!". | | Đều Hầu | + Hành động Đề Hầu "lồm cồm bò ra" đổ lỗi cho Thị Hến và Nghêu và lời mỉa mai cho sự mắc mưu Thị Hến của cả Đề Hầu và Huyện Tria: “Trong nha môn cả Huyện đến Đề / Còn tạo lệ không mời luôn thẻ!”. | | Huyện Tria | + Hành động “giải quyết tình thế” “quái gờ" trong lời phán của Huyện Tria: “Đề lại cõng mỗ về nhà / Dằn lòng thôi chớ ngứa nghề / Giữ dạ đừng ham của lạ”. |   ⭢ Ngôn ngữ và hành động đã giúp người đọc hình dung ra hình ảnh, bộ điệu của các nhân vật, cho thấy nỗi sợ hãi, cuống quýt, tức cười khi việc làm xấu bị “lột mặt nạ”, tạo ra sự đối lập giữa tình thế trước và sau khi bị phát giác.  ***⭢ Tác giả đã rất thành công trong việc dùng ngôn ngữ, hành động để tại nên tiếng cười.***  - Các chỉ dẫn sân khấu đều được để trong ngoặc đơn của văn bản tuồng:  - Các chỉ dẫn sân khấu in nghiêng, được trình bày trước lời thoại của nhân vật ⭢ người đọc biết diễn biến của các sự việc, chi tiết trong văn bản tuồng, giúp hình dung ra bối cảnh, sự xuất hiện của các nhân vật, hành động của nhân vật trên sân khấu tuồng.  - Các chỉ dẫn được đưa vào ngoặc đơn, không in nghiêng, trong lời của nhân vật ⭢ Người đọc biết đó là những tiếng đưa đẩy, tiếng đế thêm của nhân vật, dùng để lưu ý diễn viên lên giọng hoặc xuống giọng khi diễn. Do đó, giúp người đọc hình dung rõ hơn giọng điệu, cử chỉ, nét mặt… của nhân vật trên sân khấu.  ***c) Đặc điểm các nhân vật***  - Tác giả dân gian đã thể hiện thái độ đồng tình với nhân vật Thị Hến, phê phán thói “tham của lạ” của Nghêu, Đề Hầu, Huyện Tria.  - Thị Hến là người phụ nữ khôn khéo, sắc sảo, thông minh, khiến cho những kẻ sa đọa, hám của lạ bị mắc mưu cứ thế mà tự vạch tội, tố cáo nhau, tự “hạ màn” kẻ nào về nhà nấy, vừa làm cho những kẻ nhòm ngó, ve vãn, gây khó dễ với mình bị một phen bẽ mặt, hết “làm bậy”, vừa giữ đươc “tiết hạnh một niềm cho toại",...  ***⭢ Nhận xét:***  - Thể hiện thái độ phê phán, châm biếm với các nhân vật qua các hành động, ngôn ngữ.  - Tác giả phơi bày cho ta thấy những thói hư tật xấu, bộ mặt tham lam giả dối, hèn nhát với những dục vọng tầm thường của tầng lớp cường hào ác bá phong kiến.  ***=> Tất cả đã được tác giả dân gian khắc họa đầy đủ diện mạo bức tranh làng quê phong kiến buổi suy tàn.***  **3. Tổng kết:**  ***a) Nội dung:***  Văn bản đem đến một tình huống gây cười khi cả ba kẻ mê sắc đều tụ hội ở nhà Thị Hến và được một phen bẽ mặt, xấu hổ, nhục nhã. Đồng thời, phê phán, châm biếm và mỉa mai những kẻ mê sắc, xử kiện không công bằng, bị cái đẹp làm mờ mắt, cuối cùng lại bẽ mặt dưới tay một ả góa.  ***b) Nghệ thuật***  - Nghệ thuật xây dựng tuyến nhân vật với những tính cách đa dạng thể hiện được mọi góc nhìn về xã hội đương thời.  - Tình huống tuồng đắt giá giúp các nhân vật bộc lộ hết bản chất.  - Ngôn từ dân gian mộc mạc, dễ hiểu  - Nghệ thuật kể chuyện xen lẫn chất trào phúng, hóm hỉnh.  ***c) Cách đọc hiểu kịch bản tuồng***  - Cốt truyện: Xác định những sự việc được kể, đâu là sự việc chính.  - Xác định được bối cảnh không gian, thời gian.  **-** Nhân vật:Nhân vật chính là ai? Nhận biết tính cách nhân vật qua các chi tiết miêu tả ngoại hình, tâm lí, hành động và lời nói.  - Chỉ dẫn sân khấu.  **-**  Rút ra được ý nghĩa thông điệp. |

**3. Hoạt động 3: LUYỆN TẬP [10 phút]**

**a) Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về văn bản *Mắc mưu Thị Hến* đã học.

**b) Nội dung:** GV chiếu câu hỏi, HS suy nghĩ, trả lời.

**c) Sản phẩm học tập:** HS viết câu trả lời vào vở.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**  - GV: Nêu các đặc điểm của tuồng đồ được thể hiện qua văn bản *Mắc mưu Thị Hến*, SGK Ngữ văn 10 tập 1 - Cánh Diều.  - GV: Hãy bày tỏ suy nghĩ về một nhân vật mà mình ấn tượng trong đoạn trích “Mắc mưu Thị Hến”?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS nghe GV nêu yêu cầu, phán đoán nhanh khi trả lời, và suy nghĩ của bản thân.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**HS trả lời  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  - GV: Nhận xét, kết luận  NỘI DUNG LỒNG GHÉP: Vấn đề chống tham nhũng | **Bài 1:** Gợi ý:  Giới nghiên cứu nói chung quan niệm tuồng đồ là loại tuồng hài (tuồng gây cười), được xây dựng trên cảm hứng hài kịch, thiên về châm biếm, đả kích, không bị ràng buộc vào những điển luật nghiêm ngặt:  + Đề tài: Lấy đề tài trong cuộc sống đời thường. Ở đây chính là việc 3 nhân vật Huyện Trìa, Đề Hầu, Thầy Nghêu ham mê nữ sắc để rồi phải tự gánh hậu quả.  + Nhân vật: Các nhân vật chính thường có danh xưng nghề nghiệp Huyện Trìa, Đề Hầu, Thầy Nghêu. Tính cách nhân vật không thay đổi. xuyên suốt cả đoạn tuồng.  + Lời thoại: có cả đối thoại, độc thoại, bàng thoại.  **Bài 2:**  - Nghêu, Đề Hầu, Huyện Trìa: đại diện cho một số hạng người trong xã hội với bản tính trăng hoa, hành động trái ngược lại với chức trách và luân thường đạo lí. Tiếng cười đả kích, châm biếm đặc biệt nhắm tới những kẻ đại diện cho bộ máy nhà nước phong kiến lúc bấy giờ với bộ mặt bề ngoài đạo mạo nhưng ẩn giấu bên trong bản chất suy đồi với những dục vọng tầm thường.  - Thị Hến là một người phụ nữ goá chồng, bằng trí thông minh, tài ăn nói khéo léo đã dạy cho những kẻ háo sắc kia một bài học, biến chúng thành trò cười. Hơn nữa, Thị cũng một lòng giữ vẹn đạo hạnh, không màng chuyện nhân duyên, trai gái. |

**4. Hoạt động 4: VẬN DỤNG [5 phút]**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về bài *Mắc mưu Thị Hến* để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b) Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**  - GV: Tiếng cười ở đoạn trích *Mắc mưu Thị Hến* còn có ý nghĩa với cuộc sống hôm nay không? Vì sao?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe yêu cầu và hướng dẫn của GV để viết đoạn văn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2- 3 HS trình bày đoạn văn của mình.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, khen ngợi HS đã trình bày đoạn văn trước lớp. Chấm điểm cho bài văn đạt yêu cầu.  ***Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn:***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Tiêu chí** | **Đạt/ Chưa đạt** | | **1** | Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 5 - 7 dòng. |  | | **2** | Đoạn văn đúng chủ đề: cảm nhận về một nhân vật ấn tượng nhất |  | | **3** | Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn. |  | | **4** | Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp. |  | | Gợi ý:  Tiếng cười ở đoạn trích *Mắc mưu Thị Hến* vẫn mang đậm ý nghĩa trong cuộc sống ngày nay. Đó là tiếng cười trước một nét đẹp truyền thống văn hóa dân gian của dân tộc. Một vở tuồng mang hơi thở của sự cổ kính, xa xưa, khiến người nghe không chỉ cười sảng khoái mà còn mang trong mình những suy nghĩ về một thời kì trong xã hội phong kiến thối nát khi con người trở nên ngày càng sa đọa, đồi bại. |

* 1. **THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU**

**VĂN BẢN: THỊ MẦU LÊN CHÙA**

**(Trích chèo *Quan Âm Thị Kính*)**

**(2 tiết: 31,32)**

**1. Hoạt động 1: MỞ ĐẦU [5 phút]**

**a) Mục tiêu:** Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập, kết nối những bài học trước đó huy động tri thức nền và trải nghiệm của HS.

**b) Nội dung:** Kiến thức, vốn sống của HS có liên quan bài học.

**c) Sản phẩm:** Chia sẻ của HS cảm nhận về Thị Mầu.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**  - GV: Tổ chức Trò chơi *Ai nhanh hơn?*  HS lần lượt chọn các ô bí mật với mỗi câu hỏi liên quan đến thể loại Chèo và đưa ra kết quả nhanh và chính xác nhất  1. Chèo cổ còn có tên gọi khác là gì?  ⭢ Chèo sân đình/ chèo truyền thống  2. Kể tên 3 vở chèo mà em biết?  ⭢ Quan Âm Thị Kính, Kim Nham, Từ Thức…  3. Chèo phát triển mạnh nhất ở đâu?  ⭢ Đồng bằng Bắc Bộ  4. Nêu định nghĩa về chèo?  ⭢ Chèo cổ là bộ môn nghệ thuật tổng hợp ngôn từ, âm nhạc, vũ đạo, tạo hình…  5. Chèo cổ phản ánh đời sống vật chất, tâm hồn, tình cảm của con người trong xã hội nào?  ⭢ Xã hội phong kiến  - GV: Trình chiếu hình ảnh minh họa vai Thị Mầu trong trích đoạn chèo *Thị Mầu lên chùa* và nêu yêu cầu chia sẻ: Quan sát hình ảnh Thị Mầu lên chùa trong bức ảnh sau, em thấy có gì đặc biệt?    GV khơi gợi để HS mô tả lại bức ảnh, đối chiếu những điều mình vừa quan sát về cách ăn mặc, đi đứng khi lên chùa… từ đó nhận xét dự đoán về tính cách nhân vật.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS nghe GV nêu yêu cầu và trả lời.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - GV mời 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét, khen ngợi các HS đã tích cực trả lời câu hỏi.  - GV dẫn dắt vào bài học mới: *Trong tiết học hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu một trích đoạn nội tiếng trong vở chèo Quan Âm Thị Kính, đó là Thị Mầu lên chùa.* | - Nhận thức và thái độ học tập tích cực của HS.  - HS tích cực chủ động tham gia trò chơi, theo dõi hình ảnh và trả lời các câu hỏi được đặt ra |

**2. Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI [70 phút]**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS khám phá nội dung, ý nghĩa và đặc sắc về hình thức của văn bản, hiểu được các khái niệm công cụ, rèn luyện các chiến thuật đọc. Từ đó, GV giúp HS luyện tập, thực hành, vận dụng kiến thức về văn học chèo vào thực tiễn cuộc sống.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về văn bản.

**c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS; **tiểu phẩm học sinh thực hiện.**

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **NỘI DUNG 1: Tìm hiểu chung**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**  - GV: Dựa vào SGK hãy tóm tắt vở chèo “Quan Âm Thị Kính”? Từ đó hãy nêu những cảm nhận ban đầu của em về nhân vật Thị Kính?  - GV gọi một số HS đọc văn bản.  - Yêu cầu HS chia sẻ những kết quả đọc ban đầu theo các chỉ dẫn của SGK ở bên phải văn bản.  - GV yêu cầu HS: xác định thể loại, bố cục, xuất xứ của văn bản.  - GV đặt câu hỏi: *Đoạn trích kể về sự việc gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS nghe GV nêu yêu cầu và trả lời, trình bày dự án  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**GV mời 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp.  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét, chốt kiến thức  **NỘI DUNG 2: Đọc – hiểu văn bản**  ***Thao tác 1: GV hướng dẫn HS tìm hiểu nhân vật Thị Mầu***  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**  - GV: Chia lớp thành 4 nhóm thực hiện nhiệm vụ học tập:  + Nhóm 1: Tìm hiểu lời tự giới thiệu và ngoại hình (qua bức tranh) của nhân vật Thị Mầu?   * Thị Mầu giới thiệu về bản thân mình như thế nào? Em có nhận xét cách giới thiệu như thế? * Hình ảnh Thị Mầu lên chùa trong bức ảnh gợi cho em ấn tượng như thế nào?   + Nhóm 2, 3: Tìm hiểu ngôn ngữ, hành động của Thị Mầu khi bày tỏ tình cảm với chú tiểu:   * Thị Mầu đã sử dụng ngôn ngữ, hành động như thế nào để bày tỏ tình cảm với chú tiểu? * Tiếng gọi *Thầy tiểu ơi!* lặp lại nhiều lần có tác dụng như thế nào trong việc biểu lộ nỗi lòng Thị Mầu? * Em thấy ấn tượng nhất với lời bày tỏ tình cảm nào? Vì sao?   + Nhóm 4: Tìm hiểu những tiếng đế (của nhân dân - tác giả dân gian) và lời đáp của Thị Mầu:   * Qua những trích dẫn ngôn ngữ của tác giả dân gian (được thể hiện qua tiếng đế) và nhân vật Thị Mầu, em có nhận xét gì về thái độ, suy nghĩ của nhân dân và Thị Mầu? * Em có đồng tình với cách đánh giá của tác giả dân gian và thái độ, suy nghĩ của nhân vật Thị Mầu không? Vì sao?   - GV: Em hãy nhận xét chung về nhân vật Thị Mầu?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS nghe GV nêu yêu cầu và thảo luận  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**Đại diện các nhóm trình bày, nhận xét  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét, chốt kiến thức  ***Thao tác 2: GV hướng dẫn HS tìm hiểu nhân vật Thị Kính***  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**  - GV: yêu cầu HS theo dõi văn bản và trả lời:  *+ Tiểu Kính hiện lên với ngoại hình, lời nói như thế nào?*  *+ Qua ngôn ngữ, hành động của nhân vật TK, em có nhận xét gì về nhân vật này?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS nghe GV nêu yêu cầu và suy nghĩ, trả lời  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**HS trả lời câu hỏi  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét, chốt kiến thức    **NỘI DUNG 3: Tổng kết**  **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**  - GV: Trình bày những nét đặc sắc về nội dung của tác phẩm?  - GV: Trình bày những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS nghe GV nêu yêu cầu và thảo luận  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**Đại diện các nhóm trình bày, nhận xét  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét, chốt kiến thức  **NỘI DUNG LỒNG GHÉP**: Bình đẳng giới: Người phụ nữ hiện đại cần lên tiếng bảo vệ hạnh phúc cho chính mình, sống mạnh mẽ, vượt lên nghịch cảnh. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Chèo “Quan Âm Thị Kính”**  - Tóm tắt:  Thiện Sĩ (con của Sùng Ông, Sùng Bà) kết duyên cùng Thị Kính (con gái của Mãng Ông). Một đêm, Thị Kính ngồi khâu, chồng đọc sách rồi thiu thiu ngủ bên cạnh, Thị Kính thấy chồng có sợi râu mọc ngược nên cầm dao toan xén đi. Thiện Sĩ giật mình, vội hô hoán lên, cha mẹ chồng chạy vào đổ cho nàng có ý định giết chồng và đuổi Thị Kính về nhà bố đẻ. Thị Kính giả trai, vào tu ở chùa Vân Tự, được thầy đặt pháp danh là Kính Tâm. Thị Mầu, con gái phú ông vốn lẳng lơ, ve vãn Kính Tâm nhưng không được. Thị Màu có thai với Nô – người ở nhà phú ông. Bị làng bắt vạ, Thị Màu đổ cho Tiểu Kính. Kính Tâm bị đuổi ra tam quan. Thị Mầu đem con bỏ cho Kính Tâm. Tiểu Kính hằng ngày đi xin sữa để nuôi con của Thị Mầu. Sau ba năm, Tiểu Kính để lại thư kể rõ sự tỉnh rồi mất. Sư cụ cùng mọi người lập đàn giải oan cho Kính Tâm để nàng được siêu thoát.  **2. Trích đoạn “Thị Mầu lên chùa”**  - Xuất xứ: Đoạn trích “Thị Mầu lên chùa” được trích từ vở chèo “Quan Âm Thị Kính”  - Thể loại: chèo  - Bố cục:  + Phần 1: (từ đầu… có ai như mày không): Thị Mầu đi lên chùa.  + Phần 2: (còn lại): Tính cách, đặc điểm Thị Kính.  - Nội dung đoạn trích: Đoạn trích thuật lại sự việc Thị Mầu lên chùa để tán tình, trêu đùa với Tiểu Kính với thái độ trơ trẽn điệu bộ lẳng lơ. Tuy nhiên, Tiểu Kính vẫn điềm tĩnh, không quan tâm và giữ khoảng cách với Thị Mầu.  **II. Đọc – hiểu văn bản:**  **1. Nhân vật Thị Mầu**  **\* Lời nhân vật tự giới thiệu:**  - *Tôi Thị Mầu con gái phú ông*  *Thầy mẹ tôi tôn kính một lòng.*  - *Là Thị Mầu con gái phú ông*  *Tuổi vừa đôi tám, chưa chồng…*  => Nhân vật tự xưng tên, tuổi, ý thức rõ về con người mình (hiếu thuận, chưa chồng)  => Cách giới thiệu nhân vật thường thấy trong chèo  => Thị Màu là kiểu nhân vật tiêu biểu của chèo, là một người bình thường, không xa lạ với đời sống lao động nhân dân  **\* Ngoại hình (qua bức tranh)**  - Áo váy lộng lẫy, tung bay theo những vòng múa cuồng nhiệt: áo màu cánh sen, yếm thắm, khăn xanh rực rỡ ..  => vẻ đẹp đầy nhựa sống, khao khát yêu đương  **\* Ngôn ngữ, hành động của Thị Mầu khi bày tỏ tình cảm với chú tiểu:**  - Khen *đẹp như sao băng*…=> ngây ngất trước vẻ đẹp của Thị Kính  - Lời nói, câu hát bóng gió, ẩn ý đầy chất dân gian để “đánh” đi những lượng tin cần thiết mà da diết về phía chú tiểu:  . *Chưa chồng đấy thầy tiểu ơi ; Thầy như táo rụng sân đình – Em như gái rở, đi rình của chua* => khát khao, thèm muốn yêu đương, đã yêu nhau thì phải chủ động bày tỏ, tìm cách thõa mãn nhu cầu gặp gỡ, ái ân.   * *Một cành tre, năm bảy cành tre*   *Phải duyên thời lấy, chớ nghe họ hàng*  *Ấy mấy thầy tiểu ơi!...*  *Mẫu đơn giồng cạnh nhà thờ*  *Đôi ta chỉ quyết đợi chờ lấy nhau.*  => Lời tỏ tình ấy chứa chan mong ước về tự do yêu đương, tự do lựa chọn hôn nhân.  => Thị Mầu cất lên tiếng nói nữ quyền để lật đổ thành trì lễ giáo cũ kĩ đã trở thành giáo điều, đạp đổ những lệ làng, những đạo đức giả, những quan niệm cổ hủ chà đạp lên thân phận và tước đoạt hạnh phúc con người.  => Trong dòng nghĩ suy qua lời hát ghẹo của Thị Mầu đã ẩn chứa khát khao chung tình – khao khát chính đáng trong tình yêu.  - *Trúc xinh trúc mọc sân đình*  *Em xinh em đứng một mình chẳng xinh*  => Thị Mầu ẩn ý người phụ nữ xinh đẹp cần phải có đôi có cặp mới xinh  => Cách nói biến tấu, sáng tạo từ ca dao. - Tiếng gọi *thầy tiểu ơi* lặp đi lặp lại nhiều lần đã bộc lộ nỗi lòng say mê, yêu thương tha thiết của Thị Mầu.  - Nắm tay Tiểu Kính, đòi quét chùa thay Tiểu Kính, lại còn mời mọc => táo bạo, mãnh liệt, quyết tâm.  - Tỏ tình liều lĩnh, bất chấp sự gièm pha *Lẳng lơ đây cũng chẳng mòn – Chính chuyên cũng chẳng sơn son để thờ*  **\* Những tiếng đế (của nhân dân - tác giả dân gian) và lời đáp của Thị Mầu:**  - Những tiếng đế: đại diện cho quan điểm của một số người xem Thị Mầu chủ động bộc lộ tình yêu, tự quyết tình yêu trong văn bản là hành động dơ bẩn, đáng chê cười, thậm chí phê phán.  - Lời đáp của Thị Mầu: nhấn mạnh sự lẳng lơ, yêu đương say đắm và dữ dội của Thị Mầu  => Những lời đế ấy không chỉ giúp Mầu thể hiện rõ bản thân của mình mà còn khiến giá trị của những yếu tố trong vở chèo dân gian là cách dùng gậy ông lại đập lưng ông mà văn học dân gian rất thiện nghệ để phê phán, hơn nữa, bóc trần cái đạo đức giả của đạo đức quan phong kiến  => Lưu ý: Việc bày tỏ tình cảm của Thị Mầu là chính đáng. Tuy nhiên, nếu xét trong bối cảnh mà nhân vật xuất hiện (trong chùa – chốn tôn nghiêm) và đối tượng nhân vật thể hiện tình cảm (chú tiểu trong chùa), cách bộc lộ tình cảm và hành động của nhân vật có phần chưa phù hợp.  **\* Đánh giá chung:**  - Thị Mầu:  + Là người con gái đẹp, lẳng lơ, táo bạo, mãnh liệt, quyết tâm.  + Dám yêu, dám lên tiếng vì tình yêu, khát khao yêu đương tự do.  + Diện mạo, tính cách nhân vật được khắc họa nổi bật trong bối cảnh lên chùa, lời nói, hành động…  **2. Nhân vật Thị Kính**  ***\* Ngoại hình:***  - Đẹp như sao băng.  - Cổ cao ba ngấn, lông mày nét ngang.  ***\* Lời nói:***  -"A di đà Phật! Cô cho tôi biết tên đề ghi vào lòng sớ"  - "A di đà Phật"  - "Một nén cũng biên"  - "Một đồng cũng kể"  - "Ngẫm oan trái nhiều phen muốn khóc".  - Tiểu Kính đã cư xử đúng mực theo nguyên tắc của người tu hành. Tiểu Kính chẳng thưa bất cứ lời bộc bạch, thổ lộ nào của Thị Mầu, mượn lời niệm Phật mong nhắc Thị Mầu về giới hạn của người tu hành và chốn Thiền môn hoặc bỏ chạy trước hành động xông ra nắm tay của Thị Mầu.  ***\* Tính cách:***  - Hành động của Tiểu Kính tạo ra sự đối lập với hình tượng Thị Mầu. Tiểu Kính càng kiệm lời, lạnh lùng, không đáp lại thì Thị Mầu càng đắm đuối, si mê, táo bạo.  **III. Tổng kết**  **1. Nội dung:**  Đoạn trích thể hiện thành công hình ảnh Thị Mầu với tính cách lẳng lơ, buông thả, cho thấy đặc trưng của nhân vật này qua lời nói, cử chỉ và hành động đối với tiểu Kính Tâm. Qua đó cho thấy niềm cảm thông, thương cảm với thân phận người phụ nữ trong xã hội cũ và ngợi ca trân trọng những phẩm chất tốt đẹp của họ.  **2. Nghệ thuật**  - Nghệ thuật xây dựng nhân vật tiêu biểu.  - Tình huống truyện đặc sắc lôi cuốn hấp dẫn  - Ngôn từ vừa mang những nét đặc trưng của sân khấu chèo; vừa dùng từ ngữ dân gian giản dị, mộc mạc, dễ hiểu. |

**3. Hoạt động 3: LUYỆN TẬP [10 phút]**

**a) Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về văn bản đã học.

**b) Nội dung:** GV chiếu câu hỏi, HS suy nghĩ, trả lời.

**c) Sản phẩm học tập:** HS đưa ra câu trả lời đúng.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**  - GV: Dưới đây là một số trích dẫn ngôn ngữ của tác giả dân gian (được thể hiện qua tiếng đế) và nhân vật Thị Mầu:   |  |  | | --- | --- | | **Tiếng đế** | **Lời đáp của Thị Mầu** | | - Ai lại đi khen chú tiểu thế, cô Mầu ơi!  - Có ai như mày không?  - Dơ lắm! Mầu ơi!  - Sao lẳng lơ thế, cô Mầu ơi! | - Đẹp thì người ta khen chứ sao!  - [...] chỉ có mình tao là chín chắn nhất đấy.  - Kệ tao.  - Lẳng lơ đây cũng chẳng mòn / Chính chuyên cũng chẳng sơn son để thờ! |   Em có đồng tình với cách đánh giá trên đây của tác giả dân gian (qua tiếng đế về Thị Mầu và thái độ, suy nghĩ của Thi Mầu không? Vì sao?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS nghe GV nêu yêu cầu, phán đoán nhanh khi trả lời, và suy nghĩ của bản thân.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**HS trả lời  **Bước 4: Kết luận, nhận định:**  - GV: Nhận xét, kết luận | - Tiếng đế cũng cho thấy sự cộng hưởng trong thưởng thức vở diễn, thái độ của người xem trước một sự việc được nhân vật kể lại trong vở chèo, ở văn bản này, trước sự việc Thị Mầu lên chùa ve vãn Tiểu Kính, những tiếng đế (như đã trích dẫn) thể hiện thái độ phê phán, không đồng tình với hành động của Thị Mầu. Xem hành động của Thị Mầu thể hiện sự “lẳng lơ”, “dơ lắm", "không ai làm thế” là cách đánh giá từ phương diện quan niệm đạo đức phong kiến, “nam nữ thụ thụ bất thân”, người phụ nữ cần đoan trang, mực thước, không được quyền chù động trong tình yêu và hôn nhân mà thuận theo sự sắp xếp của cha mẹ. Trong quan niệm truyền thống, những người như Thị Mầu là nữ lệch, bởi dám “nổi loạn", phá vỡ những "khuôn vàng thước ngọc” về chuẩn mực “cõng, dung, ngôn, hạnh" mà xã hội phong kiến mặc nhiên đòi hỏi ở người phụ nữ, dám bất chấp, tung hê tất cà để sống theo bản năng tự nhiên khỏe khoắn, mạnh mẽ của mình.  - Lời đáp của Thị Mầu thể hiện trực tiếp thái độ của Thị Mầu trước những chê bai, phê phán đó. Đẹp thì khen, cần gì phải hành động theo "ai đó", "kệ tao", mình thích thì mình tỏ bày, mình rung động thì mình bộc bạch (đáp trả "Ai lại đi khen chú tiểu thế, cô Mầu ơi!", "Có ai như mày không?"). "Lẳng lơ đây cũng chẳng mòn / Chính chuyên cũng chẳng sơn son để thờ" - Thị cứ “lẳng lơ", cú’ đa tình, cứ sóng sánh đấy, thì đã sao nào (đáp lại “Dơ lắm!”, "Sao lẳng lơ thế"). Thị Mầu dùng chính lời ăn tiếng nói dân gian để đối đáp lại, bộc lộ suy nghĩ tự nhiên, bản năng sống chất phác, khoẻ khoắn của mình. Thị Mầu tung hê những thứ khuôn phép đạo đức “chính chuyên" luôn được "sơn son để thờ" và “tuyên bố" quyền được sống, quyền được yêu bằng cả phần hồn, phần xác của người phụ nữ. Thị đã bất chấp tất cả, đầy tự tin, đầy bản lĩnh để làm điều đó.  - Những lời nói, hành động ấy đúng là “trái tai gai mắt” nếu được nhìn từ phương diện áp đặt chuẩn mực đạo đức khắt khe đối với người phụ nữ trong xã hội nam quyền. Nhưng nó nhận được đồng tình, ủng hộ nhiệt thành của nhân dân lao động bao đời nay nói chung. Bằng chứng là bất chấp vai trò được sinh ra làm nữ lệch trong chèo để giáo huấn đạo đức, Thị Mầu vẫn được nhân dân yêu thích, say mê.  - Từ phương diện nghệ thuật thể hiện hình tượng nhân vật, việc tạo ra sự đối lập giữa đánh giá của dân gian trong tiếng đế với tỏ bày của Thị Mầu trong tiếng đáp làm cho bàn năng khát khao sống, khát khao yêu tự nhiên, sự “nổi loạn" của Thị Mầu càng trở nên mạnh mẽ, quyết liệt, dữ dội hơn. |

**4. Hoạt động 4: VẬN DỤNG [5 phút]**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b) Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để thực hiện viết đoạn văn.

**c) Sản phẩm học tập:** Đoạn văn của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm cần đạt** |
| **Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**  - GV: *Theo em nhân vật Thị Mầu là người như thế nào? Hãy viết một đoạn văn (khoảng 6-8 dòng) nêu lên nhận xét của mình về nhân vật này.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe yêu cầu và hướng dẫn của GV để viết đoạn văn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2- 3 HS trình bày đoạn văn của mình.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét | - GV hướng dẫn:  + Đọc và tìm hiểu kĩ tác phẩm để hiểu và thâu tóm được nội dung của văn bản  + Xác định đúng yêu cầu của bài để cảm nhận và đánh giá nhân vật một cách khách quan. |